

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/DS-ST  
Ngày: 21/5/2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Minh Tuấn.
- Ông Lê Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số B đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn số 50/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee J – Tổng Giám đốc

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty L (Theo Giấy ủy quyền số 199/2023/GUQ-MAFC ngày 23/5/2023).

Pháp nhân diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G (Theo giấy ủy quyền ngày 20/04/2024 về việc Công ty L Niêm Tin ủy quyền cho bà Nguyễn Phước Quỳnh G).

Địa chỉ: P, Tầng , Phường D, Tòa nhà số G Đường T, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Triệu B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số A Đường H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 và Bản tự khai ngày 09/4/2024 thì nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Ngày 06/06/2022 Công ty T (gọi tắt Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 3232374 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Triệu B với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Triệu B. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Triệu B có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.615.202 đồng trong kỳ hạn 36 tháng từ ngày 15/07/2022 đến ngày 15/06/2025. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân từ ngày 14/9/2022 ông Nguyễn Thanh B1 đã không thanh toán, thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đồng thời cũng đã gửi thư đề nghị ông Nguyễn Triệu B thực hiện nghĩa vụ thanh toán của M theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Triệu B không có bất kỳ hành động thực tế nào để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T. Tính đến ngày 09/04/2024 cho ông Nguyễn Triệu B đã trễ hạn không thanh toán số tiền là 55.060.085 đồng trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.003.470 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 17.148.044 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 5.482.446 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 1.426.125 đồng.

Công ty T yêu cầu tòa giải quyết buộc ông Nguyễn Triệu B thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 09/4/2024 là 55.060.085 đồng. Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Triệu B phải thanh toán lãi và chi phí phát sinh từ ngày 10/04/2024 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – ông Nguyễn Triệu B không có văn bản trình bày ý kiến dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, đủ điều kiện mở phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Triệu B có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số S A Đường H, Phường G, Quận A. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty T là tổ chức tín dụng nước ngoài khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Triệu B thanh toán số tiền đã vay của công ty theo Hợp đồng tín dụng số 3232374 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp lao tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Phước Quỳnh G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và bị đơn – ông Nguyễn Triệu B vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 3232374 và báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng tính lãi đến ngày 27/7/2023, nhận thấy từ ngày 14/9/2022 ông Nguyễn Triệu B đã không thanh toán, thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân với khoản vay khoản vay trị giá 31.980.000 đồng. Hình thức đảm bảo: Tín chấp. Lãi vay được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay ban hành tại từng thời điểm. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét nội dung của Hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận giữa Công ty T và ông Nguyễn Triệu B.

[4.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Qua Hợp đồng tín dụng số: 3232374 về việc cấp hợp đồng tín dụng và báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng tính lãi đến ngày 27/7/2023 của ông Nguyễn Triệu B, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty đối với nợ gốc là 31.003.470 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu về tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn và phạt chậm trả: Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT- N ngày 31/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận của hai bên là 44%/năm từ ngày 15/02/2022 đến ngày 15/01/2025, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiền lãi bao gồm: Số tiền lãi trong hạn: 17.148.044 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 5.482.446 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 1.426.125 đồng tổng số tiền lãi là 24.056.615 đồng.

[4.3] Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc yêu cầu ông Nguyễn Triệu B thanh toán cho Công ty với nợ gốc là gốc

quá hạn là 31.003.470 đồng. Số tiền lãi trong hạn: 17.148.044 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 5.482.446 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 1.426.125 đồng. Tổng cộng là 55.060.085 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 10/4/2024 ông Nguyễn Triệu B còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi ông B trả hết nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Triệu B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là  $5\% \times 55.060.085$  đồng = 2.753.004 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3, Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Ông Nguyễn Triệu B phải thanh toán cho Công ty T số tiền 55.060.085 đồng (Năm mươi năm triệu, không trăm sáu mươi nghìn, không trăm tám mươi năm đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc là gốc quá hạn 31.003.470 đồng (Ba mươi một triệu, không trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng). Số tiền lãi trong hạn: 17.148.044 (Mười bảy triệu, một trăm bốn mươi tám đồng, không trăm bốn mươi bốn đồng). Số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/4/2021: 5.482.446 đồng (Năm triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng). Số tiền lãi chậm trả: 1.426.125 đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi năm đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 10/4/2024 ông Nguyễn Triệu B còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nếu bà không thanh toán đủ cho Công ty T cho đến khi ông thi hành xong nghĩa vụ thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Triệu B phải chịu là 2.753.004 đồng (Hai triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn, không trăm lẻ bốn đồng) tại Chi cục Thi hành án Quận 10.

H lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.083.162 đồng (Một triệu, không trăm tám mươi ba, một trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0035621 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án Quận 10.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ/.

**Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP . HCM;

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

**TÒA**

- VKSND Q.10;

- Chi cục THADS Q.10;

- Các đương sự;

- Lưu VP, hồ sơ.

**Trần Mỹ Phương**